

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN PHỤNG

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN PHÚ THIÊN, TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN
THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS.BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: TS. Hà Ban

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày ... tháng ... năm 2011

** Có thể tìm hiểu Luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đề đầy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở phát huy lợi thế tự nhiên của huyện, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và giải quyết việc làm, tăng thu nhập nhằm tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đồng thời khắc phục những hạn chế ở khu vực nông thôn, tôi thực hiện đề tài “*Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai*” cho Luận văn Thạc sỹ Cao học của mình.

2. Mục tiêu nguyên cứu đề tài

- + Hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp.
- + Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện trong thời gian qua.
- + Đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp huyện trong thời gian tới.

3. Điểm mới của đề tài

- Vận dụng lý luận phát triển ngành kinh tế quốc dân vào phát triển nông nghiệp huyện với những đặc thù của địa phương miền núi.
- Đây là lần đầu tiên một nghiên cứu phát triển nông nghiệp toàn diện được áp dụng ở huyện Phú Thiện.
- Các giải pháp được kiến nghị dựa trên tính đặc thù của địa phương sẽ hứa hẹn có hữu ích cho hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nguyên cứu

Những vấn đề lý luận liên quan đến vấn đề thực tiễn về Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

b. Phạm vi nguyên cứu

+ *Giới hạn*: Nội dung nguyên cứu những vấn đề về phát triển sản xuất nông nghiệp từ đó đề ra các giải pháp về phát triển nông nghiệp.

+ *Không gian*: Đề tài nguyên cứu các vấn đề phát triển nông nghiệp tại địa bàn huyện Phú Thiện.

+ *Thời gian*: Đề tài nguyên cứu các giải pháp về phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thực chứng;
- Phương pháp phân tích chuẩn tắc;
- Phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tổng hợp, phân tích;
- Phương pháp so sánh và các phương pháp khác...

7. Bố cục của đề tài Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận kiến nghị, tài liệu tham khảo, đề tài được chuyển tải thành 03 chương

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÚ THIỆN

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÚ THIỆN

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NÔNG NGHIỆP

1.1.1 Khái niệm về phát triển nông nghiệp

- Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất, nên hiểu theo nghĩa rộng bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, chăn nuôi.

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất, nên được hiểu theo nghĩa hẹp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi.

- Phát triển nông nghiệp thực chất là vấn đề tạo nên sự gia tăng đáng kể về kết quả sản xuất và chất lượng của sự gia tăng.

1.1.2 Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp

- Cung cấp nguyên nhiên vật liệu

- Cung cấp sản phẩm hàng hóa
- Cảnh quan môi trường

1.1.3 Đặc điểm vai trò của sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, đất đai và khí hậu, cơ chế, chính sách...

* Các yếu tố tác động đến phát triển nông nghiệp

- + Điều kiện tự nhiên đất đai, khí hậu.
- + Hệ thống chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp lý.
- + Chiến lược phát triển kinh tế xã hội từng vùng miền.
- + Cơ sở hạ tầng nông thôn, công trình thuỷ lợi, hệ thống giao

thông.

- + Tiến bộ KHKT và chuyển giao ứng dụng trong sản xuất.
- + Trình độ quản lý, chuyển giao và người trực tiếp sản xuất.
- + Công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, thị trường tiêu

thụ.

* Vai trò của nông nghiệp

(1) Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các yếu tố đầu vào cho công nghiệp và khu vực thành thị.

(2) Nông nghiệp và nông thôn là thị trường tiêu thụ lớn của công nghiệp.

(3) Nông nghiệp được coi là ngành đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ lớn.

(4) Nông nghiệp và nông thôn có vai trò to lớn, là cơ sở cho sự phát triển bền vững của môi trường.

1.2 NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1 Các nguồn lực phát triển sản xuất nông nghiệp

a. Lao động

Nông nghiệp phát triển được biểu hiện ở sự gia tăng của nguồn lực lao động có nghĩa là lao động được đầu tư ở nông nghiệp được tăng lên, số lượng giai đoạn sau tăng nhiều hơn giai đoạn trước.

Chất lượng nguồn lao động là đề cập đến khả năng, trình độ của người lao động và điều đó được thể hiện ở năng lực của người lao động.

b. Đất đai sử dụng hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

Số lượng đất đai được huy động vào sản xuất nông nghiệp tăng

- Số lượng đất đai
- Số lần sản xuất, canh tác trên đất
- Tăng độ phì của đất

1.2.2 Phương thức sản xuất nông nghiệp

Nông nghiệp công nghiệp hoá thâm canh theo hướng giảm lao động và đầu tư thêm tư liệu sản xuất: phân hoá học, thuốc trừ sâu bệnh, giống tốt và nhất là xăng dầu, máy móc. Năng suất cây trồng tăng nhiều, và năng suất lao động cũng tăng.

1.2.3 Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

Hình thức sản xuất bao gồm loại hình: Trang trại, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình và trang trại gia đình...

Việc lựa chọn đa dạng hóa phương thức sản xuất phù hợp mang hiệu quả cao, huy động mọi nguồn lực, nguồn tài nguyên phát huy tìm năng thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.

1.2.4 Thị trường và mạng lưới tiêu thụ sản phẩm

Sự phát triển của thị trường trong và ngoài nước không chỉ thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và giá cả nông sản có sức cạnh tranh mà còn có tác dụng điều tiết đối với sự hình thành và phát triển các vùng nông nghiệp chuyên môn hoá.

1.2.5 Hiệu quả của sản xuất nông nghiệp

- Số lượng hàng hóa được tăng lên.
- Giá trị sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao hơn.
- Năng suất lao động được cải thiện.
- Lợi nhuận của tổ chức cá nhân người lao động tăng lên.
- Nộp thuế cho nhà nước ngày càng tăng.
- Mức sống người lao động ngày càng cải thiện.

1.3 NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế xã hội vốn, lao động ... và phi kinh tế, chính sách cơ chế...

1.4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

1.5. MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG MIỀN NÚI VIỆT NAM

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÚ THIỆN

2.1. TÌNH HÌNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÚ THIỆN

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Tài nguyên đất đai

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 50.454 ha với cơ cấu:

- Đất nông nghiệp: 44.385,0 ha, chiếm 88% tổng diện tích toàn huyện

Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: 20.484,0 ha, chiếm 40,7% diện tích.

+ Đất lâm nghiệp: 23.901,0 ha, chiếm 47,3% diện tích.

+ Đất phi nông nghiệp: 2.436,0 ha chiếm 4,8% diện tích. +

Đất chưa sử dụng: 3.633,0 ha chiếm 7,2% diện tích.

Tài nguyên rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 23.527,4 ha chủ yếu là rừng sản xuất, rừng phòng hộ. Do đặc điểm khí hậu thời tiết và đất đai không phù hợp với nhiều loại thực vật, động vật, rừng chủ yếu là rừng khộp, rừng nghèo, tỉ lệ độ che phủ thấp.

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế

a. Cơ cấu kinh tế

+ Cơ cấu kinh tế các ngành trong nông nghiệp (bảng 2.4) cụ thể trong nông nghiệp ngành trồng trọt chiếm chủ yếu trên 85% cơ cấu ngành. Ngành chăn nuôi, thủy sản, kinh tế rừng có tăng đều qua nhiều năm nhưng còn chậm.

Bảng 2.4 Cơ cấu kinh tế các ngành trong nông nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010
* Cơ cấu các ngành trong nông nghiệp	%	100	100	100	100	100
- Trồng trọt	%	87,3	88,3	89,2	90,3	80,0
- Chăn nuôi	%	6,77	7,5	10,2	6,5	12,4
- Lâm nghiệp	%	0,37	0,3	0,15	0	0
- Thủy sản	%	6,0	3,8	0,6	3,3	8,4

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Phú Thiện (bảng 2.5)

- Ngành Nông - Lâm - Thủy sản giảm 52,22% năm 2007 xuống 42,55% trong năm 2010.

- Ngành Công nghiệp - Xây dựng 21,5% năm 2007 tăng lên 29,9% trong năm 2010.

- Thương mại dịch vụ 26,28% năm 2007 tăng lên 27,55% trong năm 2010.

Biểu 2.5 Chuyển dịch về giá trị sản xuất các ngành của huyện

Hạng mục	2007	2008	2009	2010
Nông-lâm nghiệp	52,22	51,11	43,97	42,55
Công nghiệp – xây dựng	21,5	21,58	28,48	29,9
Dịch vụ-du lịch	26,28	27,31	27,55	27,55

Nguồn: Thống kê Phòng Tài chính - Kế hoạch.

b. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất bình quân từ năm 2007 - 2010 là 12,8%/năm; trong đó:

- Tăng trưởng ngành nông nghiệp : 5,45%/năm.
- Tăng trưởng CNTT - XDCB : 26,78%/năm.
- Tăng trưởng ngành thương mại dịch vụ : 14,53%/ năm.

Biểu 2.6 Nhịp độ tăng trưởng kinh tế huyện từ 2007-2010
Tr/đồng

Hạng mục	Giá trị đạt được 2007-2010			Tăng trưởng bình quân (%)	
	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	
Giá trị sản xuất (GCD 94)	357,71	401,300	453,46	512,41	12,8
1. Nông lâm thủy sản	186,81	205,10	199,40	218,02	5,45
2. Công nghiệp - Xây dựng	76,91	86,60	129,130	153.220	26,78
3. Thương mại - dịch vụ	93,99	109,600	124,930	141,170	14,53

Nguồn: Thống kê Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất khá cao, tuy nhiên xuất phát điểm thấp, hiện tại và tương lai đây vẫn là một huyện mà nền nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo.

2.1.3. Đặc điểm về xã hội

a. Dân số - dân tộc

Phú Thiện có tỷ lệ cộng đồng các dân tộc ít người cao trên 42.000 người, chiếm hơn 58% dân số toàn huyện chủ yếu là cộng đồng người Jarai và Bana. Trình độ dân trí thấp.

b. Lao động và giải quyết việc làm

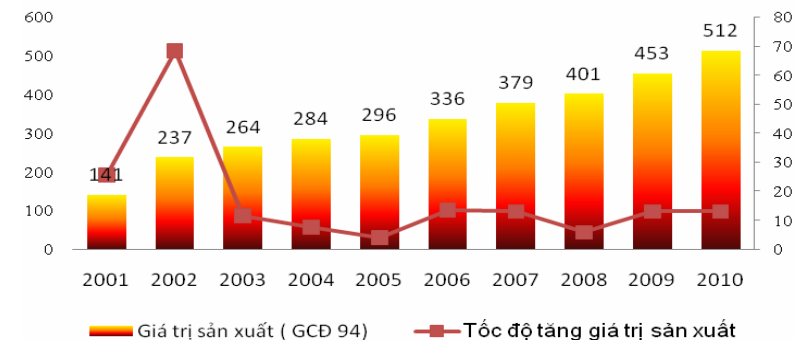
Về chất lượng lao động: Có thể khẳng định chất lượng lao động hiện nay trên địa bàn của huyện là không cao, trên 70% số lượng lao động chưa qua đào tạo.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ THIỆN

2.2.1 Thực trạng các nguồn lực phát triển nông nghiệp Phú Thiện

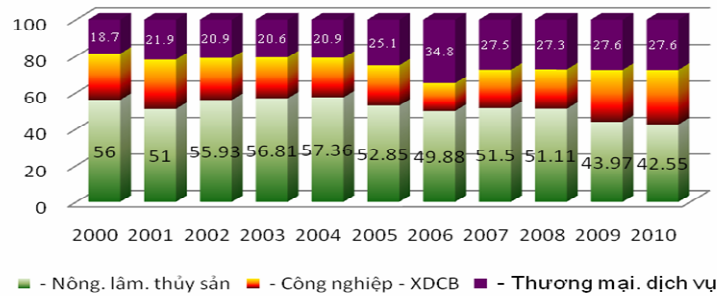
2.2.1.1. Thực trạng phát triển nông nghiệp về kinh tế

Giá trị sản xuất tăng từ 112,24 tỷ năm 2000 tăng lên 512,41 tỷ năm 2010, tăng gấp 4 lần. Tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao trên 13 % năm, đây là dấu hiệu tích cực trong cố gắng phát triển kinh tế của huyện.



Hình 2.1 Biểu đồ tốc độ tăng giá trị sản xuất qua các năm

Cơ cấu kinh tế của huyện đã có xu hướng tích cực và phù hợp với quy luật khi tỷ trọng của nông nghiệp có xu hướng giảm, tỷ trọng của công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ tăng dần.



Hình 2.2 Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Phú Thiện

Trong nông nghiệp lớn của huyện thì lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng khá thấp dưới 10%. Nông nghiệp chiếm trên 90%

a. Thực trạng phát triển các ngành trong sản xuất nông nghiệp

** Trồng trọt*

- *Cây lúa:* Lúa là cây chủ lực chính của huyện Phú Thiện. Tổng diện tích lúa của huyện từ 12.000 ha đến 12.500 ha, chiếm 18% - 20% diện tích lúa toàn tỉnh, năng suất từ 61- 68 tạ/ha.

- *Cây ngô:* Ngô diện tích trong năm 2006 là 1.870 ha, năm 2007 là 2.090 ha, năm 2010 là 2.380 ha, năng suất bình quân 38 – 39 tạ/ha.

- *Cây sắn:* Diện tích sắn toàn huyện 1.000 ha tăng 140ha so với năm 2007 và giảm hơn 432 ha so với năm 2009 năng suất đạt 10 tấn/ha.

- Rau, đậu các loại

Năm 2010 tổng diện tích gieo trồng toàn huyện là 1.918 ha trong đó rau 1.028 ha và đậu là 890 ha. Sản lượng đạt 8.622 tấn

+ Cây công nghiệp hàng năm

- Cây mía:

Năm 2010 diện tích trồng mía toàn huyện là 3.215 ha

- *Cây thuốc lá:* Diện tích thuốc lá tăng từ 38 ha năm 2007 lên 220 ha năm 2010 với sản lượng đạt 462 tấn.

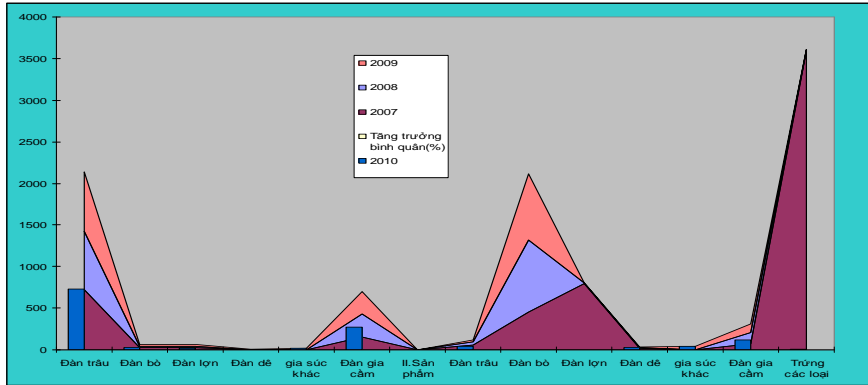
** Chăn nuôi*

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi. Phú Thiện cũng bị ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển của ngành chăn nuôi trong những năm qua.

Bảng 2.11 Thực trạng phát triển ngành chăn nuôi huyện

Các chỉ tiêu	Đvt	2007	2008	2009	2010	Tăng trưởng bq (%)
I. Số lượng GSGC						
- Đàn trâu	con	722	700	715	732	0,46
- Đàn bò	"	20.084	21.200	22.860	23.165	4,87
- Đàn lợn	"	20.052	23.275	23.075	18.511	(2,63)
- Đàn dê	"	1.971	1.626	2.439	2.967	14,61
- Gia súc khác	"			13.544	14.093	
- Đàn gia cầm	"	149.981	276.142	273.391	273.965	22,24
II. Sản phẩm						
- Đàn trâu	tấn	54	42	20	40	(9,52)
- Đàn bò	"	450	870	798	1.312	42,84
- Đàn lợn	"	799	1.014	1.625	1.453	22,08
- Đàn dê	"	12	10	11	26	29,79
- Gia súc khác	"			36	37	
- Đàn gia cầm	"	75	132	104	121	17,25
- Trứng các loại	1000quả	3.600	6.627	6.561	6.889	24,16

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Phú Thiện



Hình 2.3 Biểu đồ chăn nuôi huyện Phú Thiện

- Đàn Bò: Tổng số đàn bò trên địa bàn của huyện năm 2010 là 23.165 con, trong đó bò lai chiếm tỷ lệ 12% tổng đàn. Sản lượng thịt hơi hàng năm 1.312 tấn, đóng góp trên 40% tổng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi.

- Đàn trâu: Tổng đàn trâu toàn huyện hiện nay là 732 con, ổn định số lượng qua các năm. Sản lượng thịt hơi thu được là 40 tấn.

- Đàn Lợn: Hiện có 18.511 con, so với năm 2007 giảm 1.541 do năm 2010 ảnh hưởng của dịch bệnh tai xanh trên cả nước huyện Phú Thiện cũng là bị ảnh hưởng. Sản lượng thịt hơi hàng năm 1.453 tấn, đóng góp trên 40% giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi.

- Đàn gia cầm: Năm 2010 có 273.965 con. Giá trị sản phẩm của đàn gia cầm mang lại hàng năm 15-16% trong cơ cấu sản phẩm ngành chăn nuôi.

* Lâm nghiệp

Diện tích rừng được chăm sóc đạt trên 12.000 ha và trồng cây phân tán trên 70.000 cây các loại. Tỷ lệ độ che phủ rừng là 47,37%.

+ Tình hình giao đất khoán quản lý bảo vệ rừng

Đến năm 2010 toàn huyện đã giao đất khoán quản lý bảo vệ rừng được 12.479 ha: trong đó giao khoán QLBRV theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ là 4.500 ha.

* Nuôi trồng thủy sản

Nuôi trồng thủy sản mới chỉ thực hiện ở loại hình mặt nước ao hồ nhỏ là chính. Chăn nuôi theo hình thức ao hồ hộ gia đình.

2.2.1.2 Thực trạng phát triển nông nghiệp về xã hội

Nhìn chung nguồn lao động của huyện là dồi dào, số lượng trong độ tuổi lao động là khá lớn hầu hết là ở nông thôn.

GDP bình quân đầu người theo nông nghiệp năm 2000 là 0,58 triệu, năm 2007 là 1,1 triệu, 2010 là 2,7 triệu tăng gấp 4 lần.

+ Thu nhập và việc làm trong nông nghiệp

Giải quyết việc làm cho hơn 33 nghìn lao động hầu hết là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

+ Về nguồn vốn cho sản xuất nông nghiệp

- Vốn tự có của người dân; Vốn ngân sách nhà nước; Vốn tín dụng ưu đãi; Vốn tự có của các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp; Vốn đóng góp cộng đồng.

+ Về nguồn lực đất đai

a. Các chính sách phát triển nông nghiệp

+ Chính sách đất đai

+ Chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất

+ Chính sách phát triển chăn nuôi bò

Tóm lại, do tác động của các chính sách phát triển nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp của huyện đạt được kết quả khá toàn diện cả về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp nông thôn. Ngành trồng trọt đã có nhiều chuyển biến tích cực về diện tích, mùa vụ, cơ cấu cây trồng, năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị hàng hóa nông sản. Ngành chăn nuôi cũng đã có bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa với sự tham gia của các dự án cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn lợn và sử dụng các loại giống có năng suất cao.

2.2.1.3 Thực trạng phát triển nông nghiệp về môi trường

Là huyện có tiềm năng đất đai, thế mạnh để phát triển nông nghiệp, việc lạm dụng quá mức các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và do ý thức của người dân trong sử dụng các chế phẩm nông nghiệp là một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường.

2.2.2 Thực trạng phương thức sản xuất nông nghiệp huyện Phú Thiện

Là huyện miền núi địa hình chia cắt tỉ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số cao, trình độ dân trí thấp lối sống du canh du cư, tập tục canh tác lạc hậu. Khả năng tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế.

2.2.3. Thực trạng về hình thức tổ chức sản xuất

Sản xuất nông lâm thủy sản giữ vai trò quyết định tới sự phát triển kinh tế xã hội huyện. Hình thức tổ chức sản xuất của huyện hiện nay đa phần theo hình thức gia đình và trang trại gia đình với quy mô nhỏ lẻ.

Mô hình kinh tế trang trại nhân tố mới ở nông thôn hiện nay của huyện, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp.

2.2.4. Thực trạng về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của huyện còn mang nặng tính nhỏ lẻ, manh mún.

Hiệu quả kinh tế đạt được chưa tương xứng với điều kiện thuận lợi, thế mạnh và tiềm năng.

2.2.5. Thực trạng về kết quả và hiệu quả sản xuất

- Dần dần hình thành vùng sản xuất tập trung thâm canh.
- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Một số cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng thấp, dần dần được thay thế.
- Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng được cảnh báo.

2.3 THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP

2.4. NGUYÊN NHÂN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN PHÚ THIỆN

2.4.1. Công tác quản lý của huyện đối với sự phát triển nông nghiệp

- Công tác quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ.
- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng chưa mạnh, năng suất, chất lượng của nhiều loại cây trồng, vật nuôi còn thấp và chậm được cải thiện.
- Thị trường sản phẩm nông nghiệp trong nông thôn chưa được chú trọng.
- Năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều cán bộ chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo.

2.4.1. Tập tục canh tác địa phương

Là địa phương có tỉ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số cao hầu hết chưa qua đào tạo, trình độ dân trí thấp việc tiếp cận khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Lối sống du canh du cư.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN PHÚ THIỆN

3.1. CƠ SỞ QUAN ĐIỂM CHO VIỆC XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Phương hướng, mục tiêu

3.1.1.1. Phương hướng phát triển sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới

a. Phương hướng phát triển chung

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Gia lai.
- Phát triển đi đôi với ổn định chính trị xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng.

- Phát triển trên cơ sở thiết lập một môi trường sản xuất kinh doanh hấp dẫn tạo cơ hội đầu tư để thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

b. Phương hướng phát triển cụ thể các ngành trong nông nghiệp

** Trồng trọt*

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Xây dựng quy hoạch chi tiết để hình thành các vùng sản xuất thâm canh cao.

- Đưa nhanh các loại giống có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất để tăng năng suất và sản lượng, đưa cơ giới hóa vào sản xuất.

** Chăn nuôi*

- Sửa chữa chuồng trại, xây dựng mới các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung công nghiệp gắn phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường.

** Lâm nghiệp*

Thực hiện tốt Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

** Nuôi trồng thủy sản*

Tận dụng tối đa nguồn nước mặt để nuôi trồng thủy sản, đưa các loại giống vật nuôi phù hợp vào sản xuất góp phần đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi.

3.1.1.2. Mục tiêu phát triển

a. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp huyện thành một ngành sản xuất hàng hoá với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu chủ yếu, phấn đấu đến năm 2015 đạt các chỉ tiêu cơ bản mà đại hội XVII của huyện đã đề ra cụ thể:

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất 13%.
2. Tổng diện tích gieo trồng 22.225 ha.
3. Tổng sản lượng lương thực quy thóc 87.033 tấn.

4. Tỷ lệ bò lai so với tổng đàn 20%.

5. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 294,65 tỷ đồng.

Phấn đấu đưa giá trị sản xuất của ngành nông lâm nghiệp tăng bình quân 5%/năm.

3.1.2. Một số quan điểm khi xây dựng các giải pháp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng lâm nghiệp, chăn nuôi, phát triển cây, con có giá trị kinh tế cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất nông nghiệp.

- Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, nâng cao chủ động dự báo, cảnh báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động nông thôn.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN PHÚ THIÊN

3.2.1 Nhóm giải pháp mang tính định hướng trong chiến lược phát triển nông nghiệp huyện

- Nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

- Sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Thực hiện tốt Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích và tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

3.2.2 Giải pháp các nguồn lực cho phát triển sản xuất nông nghiệp Phú Thiên

3.2.2.1. Giải pháp về qui hoạch phát triển nông nghiệp Phú Thiên

- Hoàn thành quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Huyện, để làm cơ sở cho việc định hướng đầu tư, tổ chức lại sản xuất, bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng, tiểu vùng, bảo đảm cho sản xuất ổn định và phát triển bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hóa công nghiệp bảo quản, chế biến nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Quy hoạch vùng chăn nuôi phù hợp với lợi thế từng vùng, áp dụng các biện pháp chăn nuôi tiên tiến, đột phá về giống, đa dạng vật nuôi theo quy hoạch và gắn với yêu cầu của thị trường;

- Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo làm giàu rừng đến khai thác, chế biến lâm sản đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Phát triển giao thông nông thôn bền vững ưu tiên phát triển giao thông ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển.

- Quy hoạch bố trí lại dân cư nông thôn gắn với việc quy hoạch, xây dựng công nghiệp, dịch vụ ở các vùng. Thực hiện tốt chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 491/QĐ-TTg, với các tiêu chí cụ thể.

- Hỗ trợ nông dân sản xuất nông sản hàng hoá; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp.

3.2.2.2. Giải pháp về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp bằng cả thâm canh và mở rộng diện tích. Khai thác có hiệu quả Công trình thủy lợi Ayun Hạ và các công trình thủy lợi khác hiện có.

- Trong trồng trọt, tiếp tục thực hiện chuyên đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, bền vững, chọn cây trồng có lợi thế so sánh, có chất lượng và hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

- Trong Chăn nuôi, tiếp tục hướng dẫn các địa phương phát triển mô hình chăn nuôi, sử dụng thức ăn công nghiệp, chuồng trại có hệ thống làm mát, hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi.

+ Nâng cao cảnh báo phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm.

- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để khai thác, phát huy tốt các nguồn lực khoa học- công nghệ, các thành phần kinh tế tham gia nguyên cứu, thu hút thanh niên tri thức trẻ về nông thôn.

a. Giải pháp Chính sách về đất đai

Tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, nhà nước thống nhất theo quy hoạch kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao cho hộ gia đình sử dụng lâu dài, mở rộng hạn mức sử dụng đất, thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất sử dụng theo cơ chế thị trường, trở thành một nguồn vốn trong sản xuất kinh doanh.

Chuyển đổi đất nông nghiệp nhằm khắc phục tình trạng manh mún, quy hoạch lại đồng ruộng, phát triển hệ thống kênh mương thủy lợi.

Trên cơ sở hiện trạng và rà soát lại diện tích rừng sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

b. Giải pháp chính sách về vốn cho phát triển nông nghiệp

Rà soát điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách, giảm bớt đầu tư cho các công trình khác, tăng đầu tư phát triển cho nông nghiệp, nông thôn, tăng năm sau cao hơn năm trước.

Cải cách thủ tục hành chính tạo cơ chế thoáng ưu tiên thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào Nông - Lâm nghiệp, đặc biệt là chuyên giao khoa học kỹ thuật, về giống, chế biến, bao tiêu sản phẩm sau thu hoạch.

Tạo môi trường thu hút các nguồn vốn do các doanh nghiệp và hộ cá thể tự bỏ ra để đầu tư sản xuất sản phẩm mới hoặc mở rộng cơ sở cũ, đầu tư nâng cấp trang thiết bị, cơ giới hoá sản xuất.

+ Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

- Thẻ chế hóa ngân hàng tín dụng và đầu tư phát triển nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức cho vay.

- Đào tạo cán bộ, chuyên viên nông nghiệp cho các cấp cơ sở, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ở địa phương.

- Đầu tư phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp, nông thôn, bao gồm: Dịch vụ thủy lợi, thông tin và chuyển giao công nghệ mới, dịch vụ về điện, giao thông vận tải.

c. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi; đẩy nhanh phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vai trò mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm cơ sở, mạng lưới kỹ thuật viên đến từng thôn, bản.

- Bố trí thời vụ phù hợp với khí hậu thời tiết của huyện và phù hợp với từng loại hình sử dụng đất để chủ động kịp thời ứng phó trước các tác động xấu của khí hậu thời tiết.

- Nhân rộng các mô hình nông - lâm kết hợp, trong đó chú trọng đúng mức đến phát triển chăn nuôi vườn rừng, vườn nhà...

d. Giải pháp về môi trường

- Tăng cường các biện pháp phòng chống suy thoái đất: sử dụng tiết kiệm có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất trên cơ sở áp dụng các mô hình canh tác hợp lý.

e. Giải pháp cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, trước hết cho lúa, nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ cho nông nghiệp; đầu tư phát triển các trung tâm, trạm, trại, giống, khuyến nông ở cơ sở.

- Phát triển giao thông nông thôn bền vững gắn với mạng lưới giao thông quốc gia, ưu tiên phát triển giao thông ở những vùng khó khăn, đường nội đồng.

- Cải tạo phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt của cư dân nông thôn.

- Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn chủ động triển khai một bước các công trình giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu.

g. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động tại địa phương có trình độ kỹ thuật cao, bồi dưỡng các lớp tập huấn kỹ thuật, công nghệ, các lớp khuyến nông, các khoá cập nhật thông tin, kiến thức mới, các lớp trang bị khoa học công nghệ mới, các cuộc hội thảo đầu bờ, phổ biến kinh nghiệm có chiến lược định hướng lâu dài cho người lao động.

- Giữ vững và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao một bộ phận sinh viên, sau khi tốt nghiệp trở về lại Huyện công tác.

3.2.3 Giải pháp về phương thức sản xuất nông nghiệp

Thâm canh tăng năng suất

- Phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh của huyện bằng việc hình thành thâm canh vùng sản xuất tập trung các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực như lúa, ngô, mì, mía, chăn nuôi bò, dê, heo, và một số gia cầm khác. Lợi dụng có hiệu quả dồi dào nguồn nước mặt để phát triển nuôi trồng thủy sản...

- Từng bước ổn định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, có sự đầu tư nguyên cứu từ đó đề ra cơ chế, chính sách phù hợp, phát huy được lợi thế sức mạnh của từng vùng.

- Phát triển ngành trồng trọt, đa dạng hóa vùng nuôi, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, đưa vào sản xuất các giống mới và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hoá đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị nông sản hàng hóa.

- Tập trung công tác tuyên truyền vận động người đồng bào dân tộc thiểu số định canh định cư, ổn định đời sống từ đó dần dần tiến tới xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu.

3.2.4. Giải pháp về hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp

Chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo cung cấp đủ nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Ưu tiên đầu tư các nhà máy chế biến nông lâm sản, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quỹ bảo hiểm giá nông sản, đảm bảo nguyên liệu sản xuất ra được thu mua theo hợp đồng ký kết.

Phát huy vai trò làm ăn tập thể, cá thể, hình thức gia đình và trang trại gia đình cụ thể:

- Đẩy mạnh chương trình dồn điền, đổi thửa để các trang trại có điều kiện để gia tăng diện tích canh tác trên một khu liên kề từ đó các chủ trang trại thuận tiện trong công tác quản lý, đưa máy móc thiết bị vào sản xuất. Nhà nước cần đẩy mạnh việc giao đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế trang trại ở những vùng đồi núi trọc.

- Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế trang trại mô hình làm ăn mới hiệu quả của huyện, ngân hàng chính sách - xã hội huyện cần ưu tiên hỗ trợ cho vay vốn đối với các trang trại, xem như là cho vay để giải quyết việc làm, ổn định đời sống nhân dân vì các trang trại có vốn sẽ mở rộng quy mô sản xuất, thu hút thêm nhiều lao động, tạo thêm thu nhập cho người dân.

- Tăng cường năng lực của các kênh cấp vốn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và các ngân hàng khác ở huyện cần hướng dẫn cho các đối tượng là chủ các trang trại tạo điều kiện đến làm thủ tục vay vốn. Đa dạng hóa các hình thức cấp tín dụng.

3.2.5 Giải pháp về hệ thống cung ứng dịch vụ nông nghiệp

- Tiếp tục cải thiện hệ thống dịch vụ tài chính phục vụ nông nghiệp để tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn, các đối tượng cho vay vốn cần được quan tâm là nông dân.

- Xây dựng các cơ sở cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi như: lúa, mía, mì, cây ăn quả, lợn con... có chất lượng cao.

- Đầu tư, phát triển các cơ sở cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nông dân.

- Phát triển các trung tâm tư vấn kỹ thuật thực nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, các đại lý trao đổi, mua bán các sản phẩm nông nghiệp.

3.2.6. Giải pháp thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Trong những năm đến, tăng cường công tác dự báo, thông báo, thông tin kịp thời cho người dân để họ nắm bắt về nhu cầu thị trường nông sản, tình hình cạnh tranh và giá cả thị trường.

- Giá nông sản thực tế luôn thay đổi theo giá thị trường và bị chi phối bởi quy luật cung cầu, điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của nền sản xuất hàng hoá. trong từng giai đoạn Nhà nước có những chính sách về giá, thực hiện bảo trợ giá cho người dân.

- Mở rộng đối tượng cho vay cho tất cả các thành phần kinh tế, lãi suất cho vay phải hợp lý, đảm bảo cho người đi vay tái sản xuất mở rộng, thời gian vay phải phù hợp với chu kỳ sản xuất nông - lâm nghiệp, mở rộng việc cho vay trung hạn và dài hạn.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng các kho chứa, thiết bị phơi sấy, bảo quản chế biến sản phẩm sau thu hoạch.

3.2.7 Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất

** Thực hiện liên kết "4 nhà" nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp và nhà khoa học và nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước trong vai trò sản xuất nông nghiệp.*

Cần đánh giá lại sự liên kết này để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp; đồng thời, cần làm rõ trách nhiệm của từng "nhà", trong đó phải có một "nhà" đứng ra chủ trì để giải quyết những vấn đề liên quan.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Huyện Phú Thiện là huyện mới thành lập chưa đầy 5 năm xuất phát điểm thấp tuy nhiên có vị trí địa lý tương đối thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá gần 90% đội ngũ lao động của huyện sống ở nông thôn, trong đó hơn 58% là người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán canh tác lạc hậu, hầu hết sống bằng nghề nông nghiệp. Huyện mới thành lập, tốc độ tăng trưởng bình quân 13%/năm đây là một nỗ lực của huyện nhà.

Cơ cấu kinh tế của huyện năm 2010 theo giá trị sản xuất thì ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao (42,55%) công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ tăng chậm, sản xuất nông nghiệp còn độc canh cây lúa, mía, mì và chăn nuôi bò nên tính ổn định thấp do chi phối bởi các điều kiện tự nhiên, thị trường và các loại dịch bệnh.

An ninh chính trị và trật tự xã hội được duy trì tốt là điều kiện cơ bản và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

Cơ cấu kinh tế của huyện trong những năm tới sẽ có những chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ - công nghiệp giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tuy nhiên vẫn xác định nông nghiệp là ngành kinh tế động lực làm tiền đề cho phát triển.

2. Kiến nghị

1. Đề nghị Bộ nông nghiệp & PTNT và UBND tỉnh Gia Lai quan tâm đầu tư xây dựng, kiên cố hóa các công trình thuỷ lợi, tu bổ nạo vét kênh mương, cung cấp nước tưới cho phát triển sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Xây dựng các công trình tiêu nước, thoát lũ để hạn chế tác hại do lũ lụt gây ra.

2. Sở khoa học công nghệ tỉnh và các ngành có liên quan ưu tiên đầu tư nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Trước hết cần tạo ra những giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái. Tập trung đầu tư vào những sản phẩm lợi thế. Ưu tiên đầu tư phát triển nông sản hàng hoá

xuất khẩu, các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

3. UBND tỉnh Gia Lai quan tâm chỉ đạo các ngành của tỉnh tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch thuỷ lợi, lâm nghiệp ... xây dựng dự án đầu tư phát triển các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm ngành hàng lợi thế trên địa bàn.

4. Các Bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh có cơ chế chính sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư. Trong đó đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển sản xuất với từng loại cây trồng, vật nuôi phù hợp.

5. Đề nghị các Bộ ngành Trung ương sớm triển khai thành lập các quỹ như: quỹ bình ổn giá, quỹ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, quỹ hỗ trợ xuất khẩu, quỹ bảo hiểm sản xuất để khuyến khích tiêu thụ nông sản.

Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Thiện tỉnh Gia Lai là một vấn đề lớn và nhiều khó khăn thách thức. Trong điều kiện thời gian nghiên cứu và kiến thức của bản thân còn hạn chế, luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, quý thầy cô giáo và đồng nghiệp./.